CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Dược phẩm Trung ương 2

Ngày 15/01/2024	4,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q4/23
44.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.90| 18.3%
YoY: ▼20.2| -31.3%

LN thuần
Q4/23
-9.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.38| -119%
YoY: ▼8.99| -977%

LN sau thuế
Q4/23
-10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.55| -123%
YoY: ▼6.60| -189%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-4.3%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE
2023
-24.4%
YoY: +/-▼ 4.9%

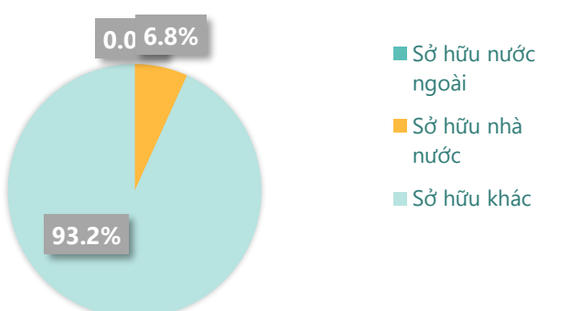
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 5,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.10)
EPS	-1,199
P/E	-3.6

DT thuần
2023
193
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00| 2.8%

LN thuần
2023
-23.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.20| -10.3%

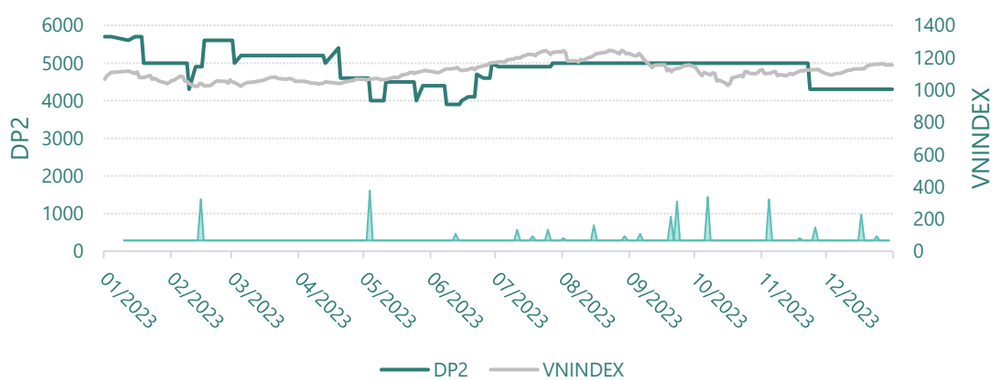
LN sau thuế
2023
-24.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.20| -1.0%

Cơ cấu sở hữu

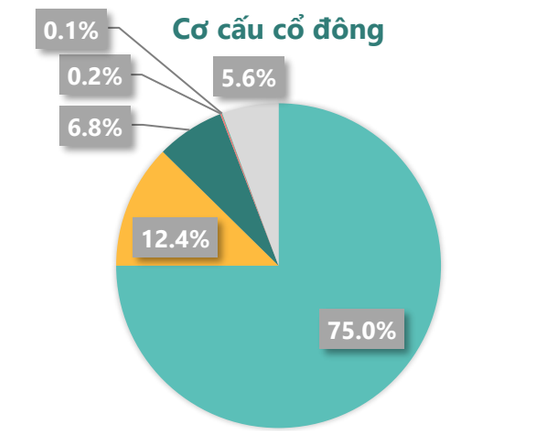


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

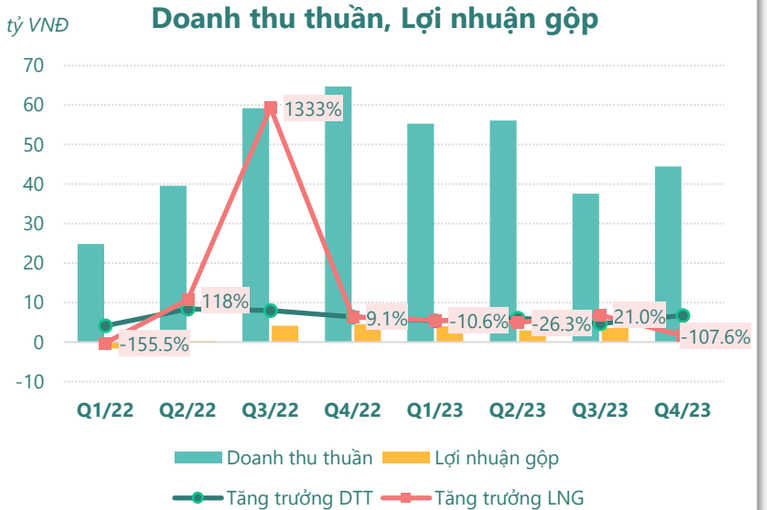


- CTCP Xuất nhập khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Sài Gòn
- CTCP Đầu tư Tài chính Đất Việt
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Lê Tiến Dũng (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thị Kim Oanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

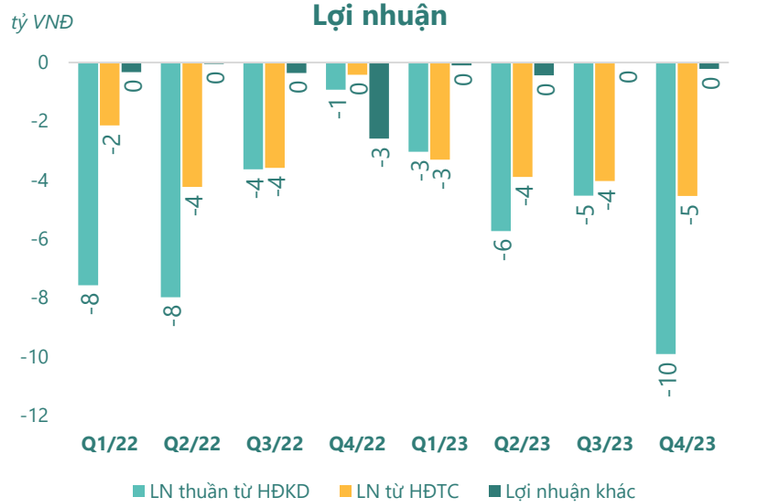
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



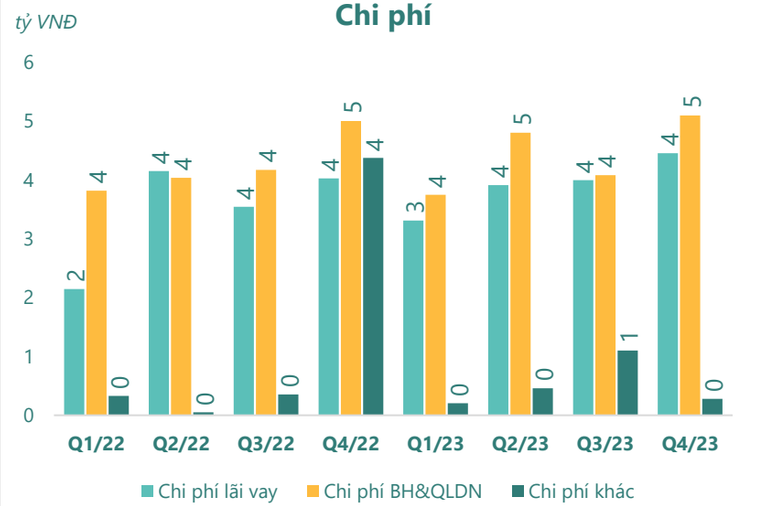
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



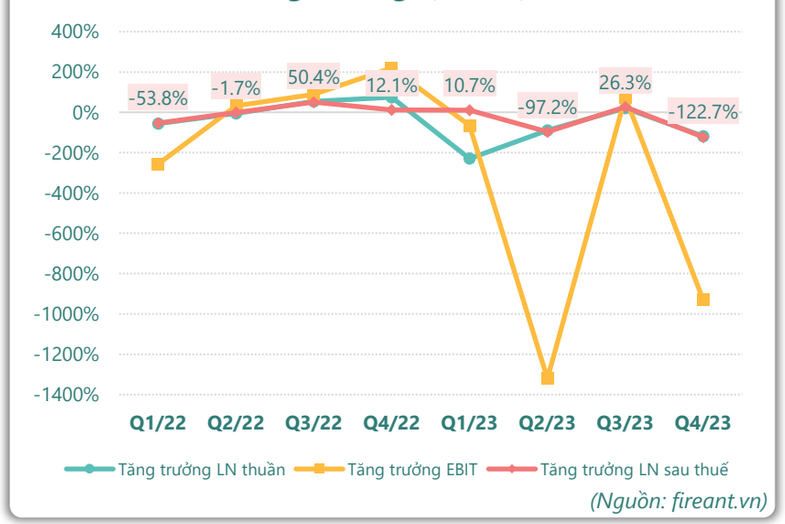
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



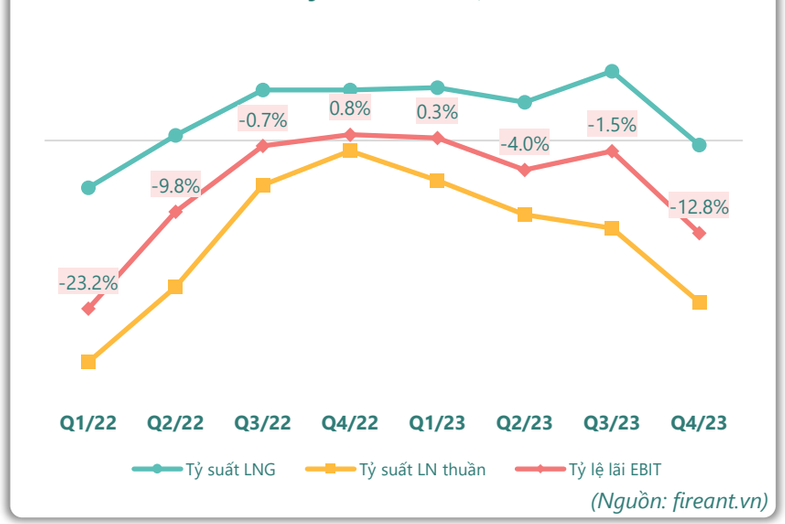
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



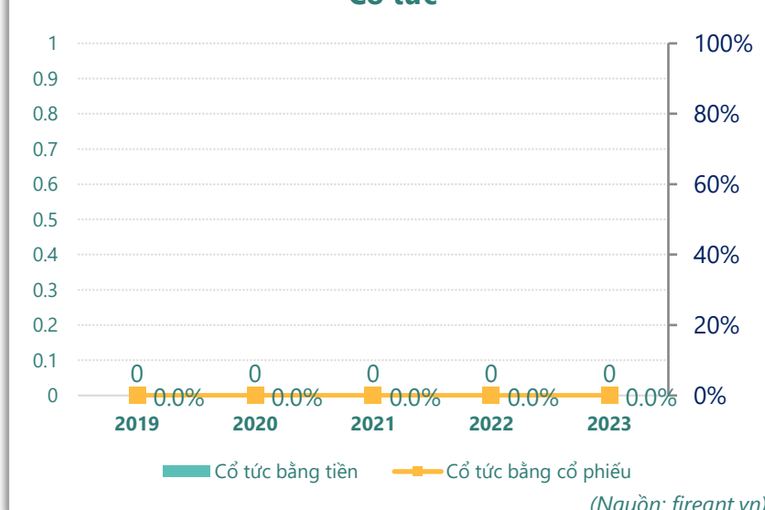
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

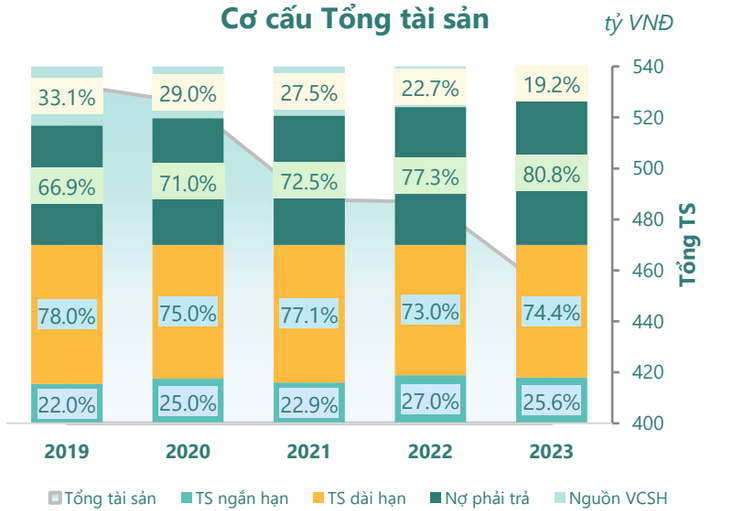
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

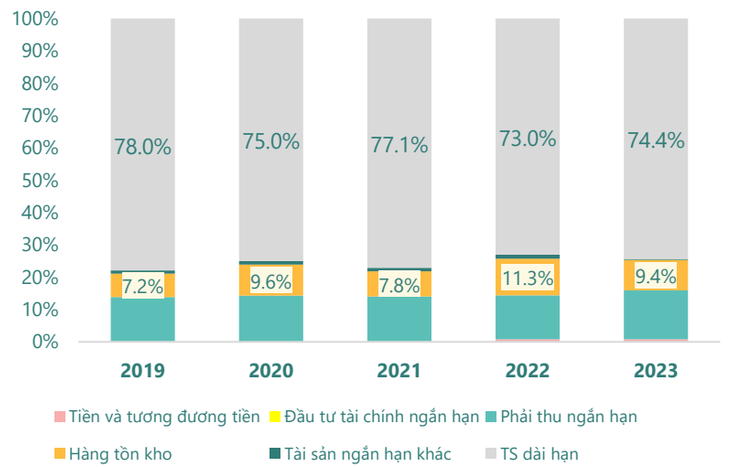
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



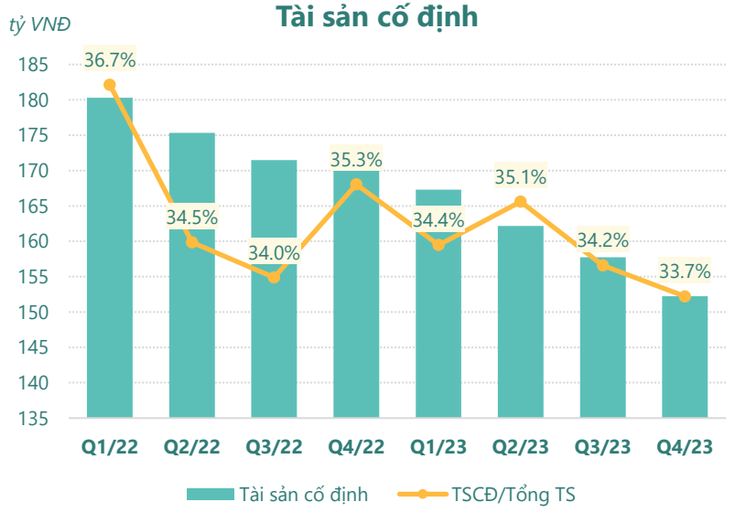
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



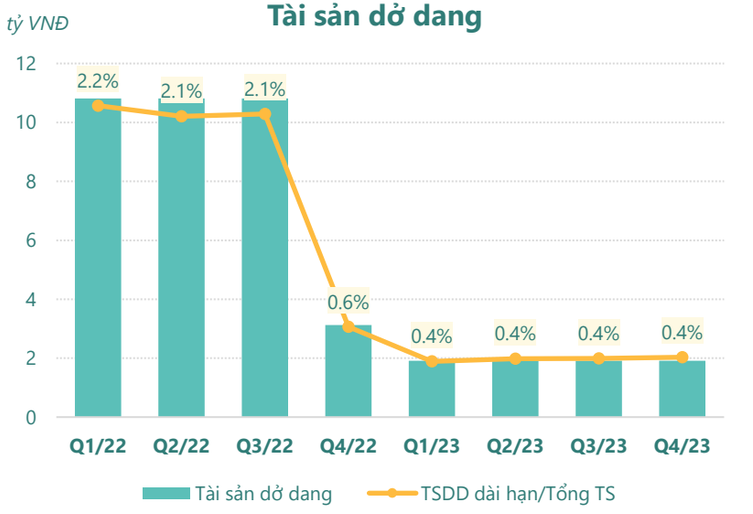
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



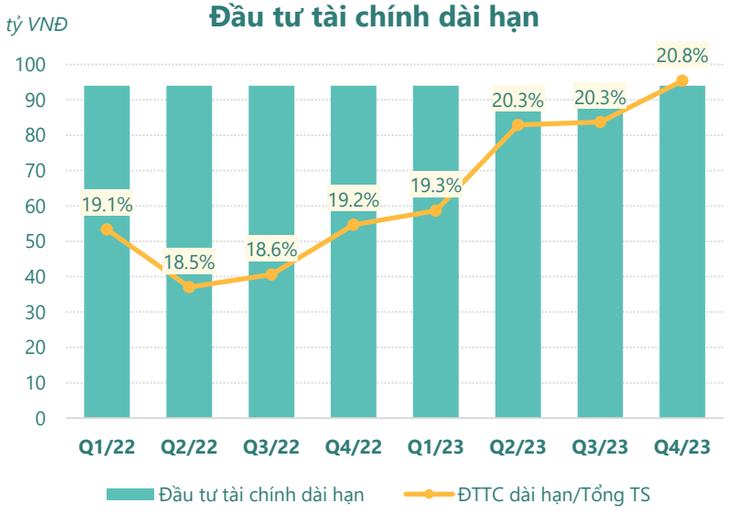
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



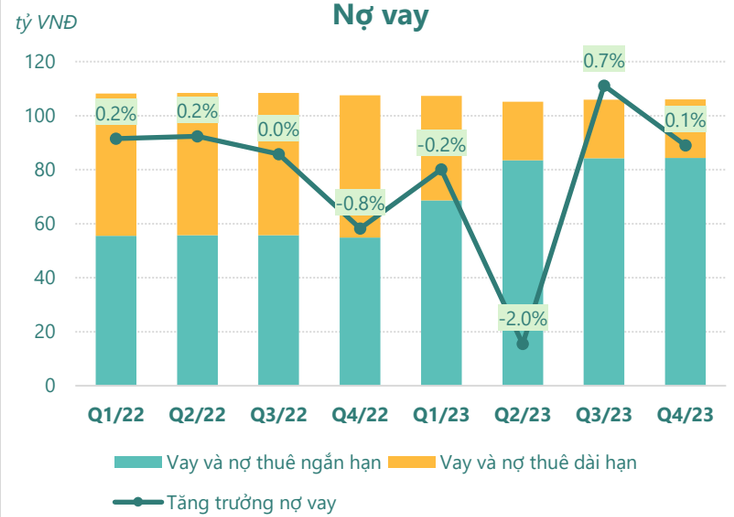
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

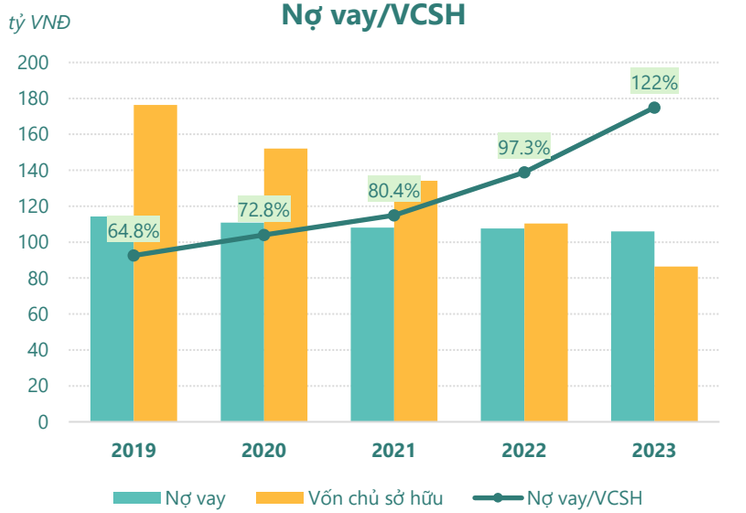
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

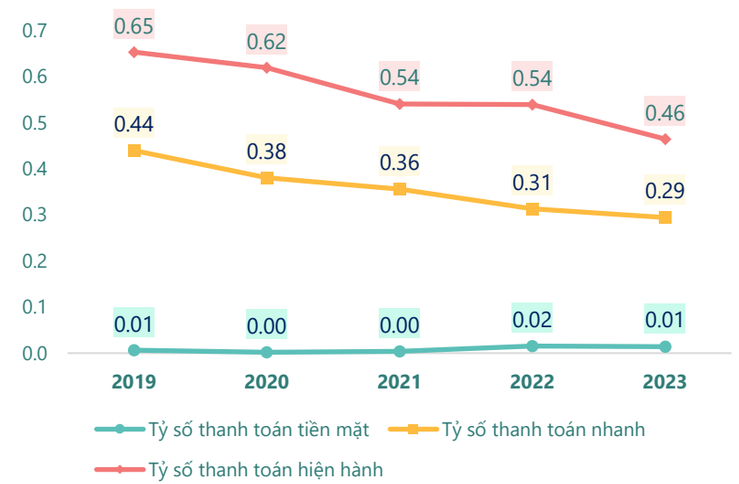
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



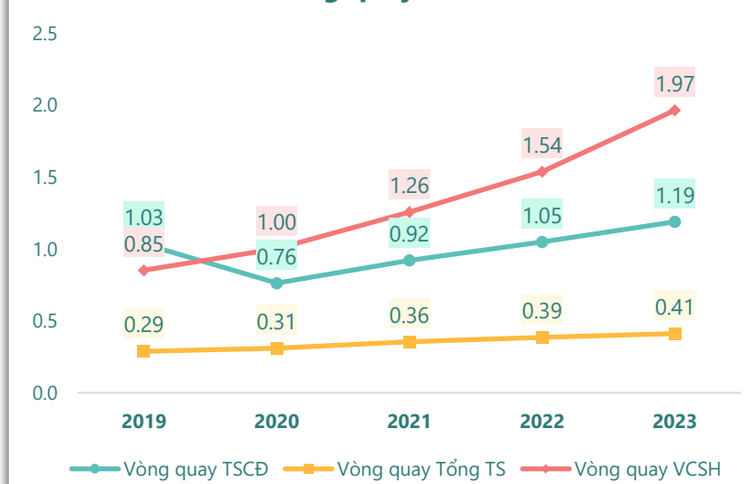
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



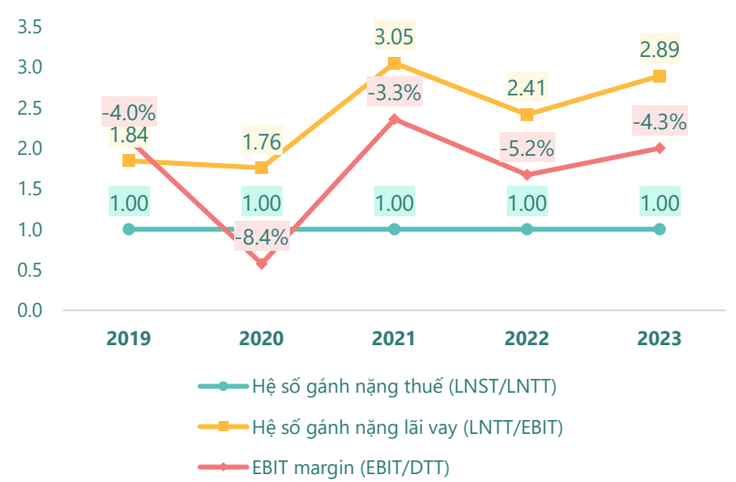
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



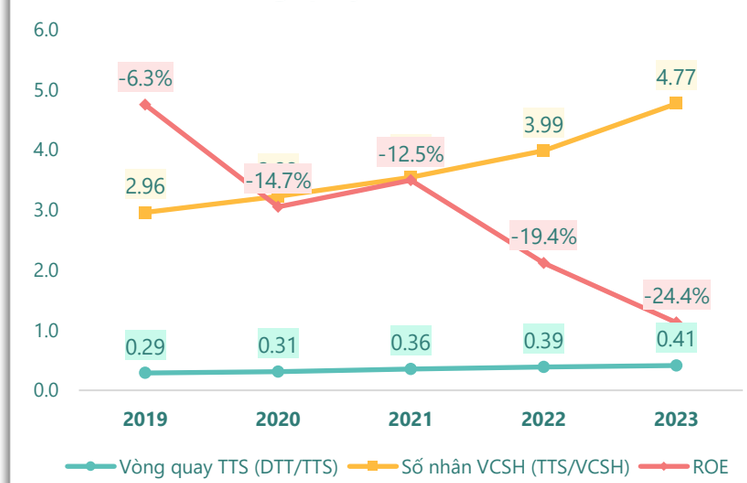
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



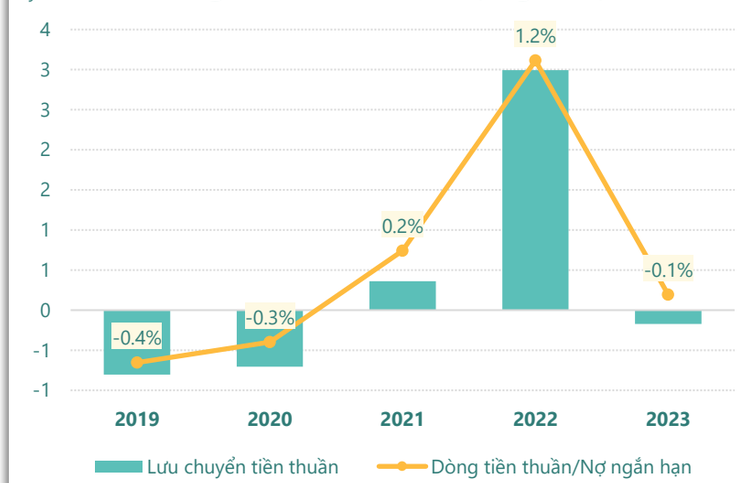
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.5**	**64.7**	**-31.3%**	**193**	**188**	**2.8%**
Giá vốn hàng bán	44.8	60.2	-25.7%	183	181	1.2%
Lợi nhuận gộp	-0.27	4.50	-106%	10.3	7.30	41.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	4.45	-99.9%	0.06	3.55	-98.4%
Chi phí TC	4.55	4.87	-6.7%	15.8	14.9	6.5%
Chi phí lãi vay	4.46	4.03	10.6%	15.7	13.9	12.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.32	1.22	8.3%	4.28	3.81	12.3%
Chi phí QLDN	**3.78**	**3.79**	**-0.3%**	**13.5**	**13.2**	**1.8%**
LN thuần từ HĐKD	-9.91	-0.92	-977%	-23.2	-21.0	-10.3%
Lợi nhuận khác	**-0.22**	**-2.58**	**91.5%**	**-0.77**	**-2.70**	**71.6%**
LN trước thuế	-10.1	-3.50	-189%	-24.0	-23.8	-1.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.1**	**-3.50**	**-189%**	**-24.0**	**-23.8**	**-1.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-10.1**	**-3.50**	**-189%**	**-24.0**	**-23.8**	**-1.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.19	0.31	-0.88	0.78	1.91	-0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.00	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-1.07	-0.18	-2.20	0.78	0.10
Tiền đầu kỳ	4.55	4.51	3.76	2.71	1.29	3.98
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.04**	**-0.76**	**-1.05**	**-1.42**	**2.69**	**-0.39**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.51	3.75	2.71	1.29	3.98	3.58

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**451**	**487**	**-7.3%**
Tài sản ngắn hạn	116	131	-11.9%
Tiền và tương đương tiền	3.58	3.76	-4.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	68.4	66.2	3.3%
Hàng tồn kho	42.4	55.1	-23.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.33	6.33	-78.9%
Tài sản dài hạn	**336**	**356**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	72.2	72.2	0.0%
Tài sản cố định	152	173	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.91	1.91	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.0	94.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.3**	**14.5**	**5.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	365	376	-3.1%
Nợ ngắn hạn	**249**	**244**	**2.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.3	68.8	22.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	36.8	-49.7%
Nợ dài hạn	116	133	-12.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.7	38.7	-43.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**86.6**	**111**	**-21.7%**
Vốn chủ sở hữu	**86.4**	**110**	**-21.7%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.18**	**0.18**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)